

Số: /KH-KNQG

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH
Triển khai Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 16/10/2025, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ký ban hành Quyết định số 4296/QĐ-BNNMT phê duyệt Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Chiến lược).

Để triển khai thực hiện Chiến lược hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra, Trung tâm Khuyến nông quốc gia ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn hệ thống khuyến nông để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Chiến lược.

2. Cụ thể hoá thành các nội dung của Chiến lược thành các nhiệm vụ để triển khai thực hiện.

3. Tăng cường sự phối hợp, phát huy hiệu quả hoạt động giữa các đơn vị trong hệ thống khuyến nông và giữa hệ thống khuyến nông với các đơn vị, đối tác nhằm thu hút, huy động nguồn lực tham gia triển khai thực hiện Chiến lược.

4. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và cập nhật chủ trương, nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu phát triển mới; phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo của các địa phương, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

1. Thông tin, tuyên truyền đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động

- Đẩy mạnh các hình thức thông tin, tuyên truyền về Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong toàn hệ thống khuyến nông nhằm thống nhất từ nhận thức đến hành động của đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Chiến lược.

- Xây dựng, phát động phong trào thi đua trong toàn hệ thống khuyến nông Việt Nam phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo để hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ được giao, góp phần đổi mới toàn diện công tác khuyến nông, hướng đến mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

2. Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển khuyến nông

2.1. Mục tiêu

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến nông, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Xây dựng chính sách xã hội hóa, hợp tác công tư và thu hút các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hỗ trợ phát triển khuyến nông, chính sách khuyến khích doanh nghiệp công nghệ tham gia hoạt động khuyến nông.

- Tạo hành lang pháp lý thuận lợi, minh bạch, góp phần phát triển hệ thống khuyến nông chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả và bền vững.

2.2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030, chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 2026 - 2027: Rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành cơ chế, chính sách khuyến nông phù hợp với hiện hành.

- Giai đoạn 2028 - 2030: Hoàn thiện, ban hành và triển khai các chính sách mới về xã hội hóa, hợp tác công tư, thu hút nguồn lực đầu tư phát triển khuyến nông.

2.3. Nội dung hoạt động

a) Rà soát và hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến nông:

- Tổng hợp, đánh giá thực trạng hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông.

- Xác định những điểm bất cập, chồng chéo, khoảng trống pháp lý cần sửa đổi, bổ sung.

- Đề xuất sửa đổi Nghị định 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông, Thông tư 75/2019/TT-BTC về Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và các thông tư hướng dẫn liên quan.

- Xây dựng tiêu chuẩn, định mức, đơn giá dịch vụ công khuyến nông để triển khai thực hiện chuyên nghiệp, hiệu quả.

- Xây dựng dự thảo các cơ chế, chính sách mới về tổ chức, tài chính, nhân lực và hoạt động khuyến nông trong bối cảnh chuyển đổi số, hợp tác công tư, giảm phát thải, nông nghiệp xanh.

b) Xây dựng chính sách xã hội hóa và hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông:

- Xây dựng khung chính sách khuyến khích doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động khuyến nông.

- Xây dựng mô hình hợp tác công tư trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, xây dựng mô hình trình diễn và truyền thông khuyến nông.

- Đề xuất cơ chế tài chính, ưu đãi đầu tư, chia sẻ lợi ích trong các chương trình hợp tác khuyến nông.

- Ban hành hướng dẫn thực hiện cơ chế xã hội hóa hoạt động khuyến nông cấp tỉnh, đảm bảo khả thi và phù hợp thực tiễn địa phương.

2.4. Kết quả, sản phẩm dự kiến

- Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông.

- Khung chính sách hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông.

- Ban hành được cơ chế, chính sách khuyến nông phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2.5. Phân công tổ chức thực hiện

a) Trung tâm Khuyến nông quốc gia:

- Chủ trì rà soát, tổng hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông.

- Chủ trì xây dựng, đề xuất khung chính sách hợp tác công tư trong hoạt động khuyến nông.

b) Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, thành phố:

- Tham gia xây dựng, góp ý cơ chế, chính sách khuyến nông trung ương.

- Đề xuất, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến nông địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Các đơn vị liên quan (viện, trường, doanh nghiệp,...):

Phối hợp tham gia nghiên cứu, tư vấn, góp ý và thực hiện cơ chế, chính sách khuyến nông, mô hình hợp tác công tư trong khuyến nông.

3. Phát triển nguồn nhân lực khuyến nông

3.1. Mục tiêu

- 100% cán bộ khuyến nông nhà nước được chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp; được đào tạo, bồi dưỡng về kinh tế, thị trường, chuyển đổi số, kỹ năng số, kỹ năng tổ chức sản xuất và quản lý dự án khuyến nông.

- 100% cán bộ khuyến nông được đào tạo kỹ năng số, hình thành lực lượng “cán bộ khuyến nông số” tại cơ sở.

- 100% cán bộ hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức chính trị – xã hội tham gia Tổ khuyến nông cộng đồng được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp khuyến nông, tiến bộ kỹ thuật mới, kiến thức kinh tế – thị trường – chuyển đổi số.

- Hình thành đội ngũ cán bộ khuyến nông chuyên nghiệp, tâm huyết, có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của ngành nông nghiệp.

3.2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 – 2030, chia làm 3 giai đoạn:

- Năm 2026: Rà soát hệ thống nhân lực khuyến nông; xây dựng khung năng lực và chương trình đào tạo chuẩn.

- Giai đoạn 2027-2029: Triển khai đồng bộ các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng nghề nghiệp, quản trị và chuyển đổi số.

- Năm 2030: Đánh giá tổng kết, chuẩn hóa, cấp chứng chỉ nghề nghiệp và hình thành mạng lưới “chuyên gia khuyến nông.”

3.3. Nội dung hoạt động

a) Kiến tạo hệ thống và nâng cao năng lực đội ngũ khuyến nông:

- Hoàn thiện mô hình tổ chức khuyến nông các cấp, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp.

- Chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp, khung năng lực, mô tả công việc và tiêu chí đánh giá cán bộ khuyến nông.

- Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng định kỳ: kiến thức kinh tế nông nghiệp, thị trường, chuyển đổi số, quản trị dự án, kỹ năng khuyến nông, kỹ năng tư vấn và truyền thông.

b) củng cố lực lượng khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng:

- Đào tạo cán bộ khuyến nông cấp xã và cộng tác viên khuyến nông cơ sở về kỹ năng hỗ trợ nông dân, hướng dẫn ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường kết nối giữa khuyến nông cấp tỉnh – xã với Tổ khuyến nông cộng đồng.

- Thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều giữa khuyến nông viên và người dân.

c) Phát triển lực lượng cộng tác viên khuyến nông:

- Lựa chọn và đào tạo cộng tác viên tại hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức chính trị – xã hội.

- Tập huấn chuyên sâu về phương pháp khuyến nông, tiến bộ kỹ thuật, kỹ năng số, xúc tiến thương mại, tổ chức chuỗi giá trị.

d) Huy động chuyên gia, nhà khoa học và nông dân giỏi tham gia hoạt động khuyến nông:

- Ban hành chính sách khuyến khích chuyên gia, nhà khoa học, nghệ nhân, nông dân tiêu biểu tham gia tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ.

- Thiết lập và vận thành mạng lưới chuyên gia tư vấn khuyến nông quốc gia phục vụ các hoạt động khuyến nông.

đ) Phát triển đào tạo khuyến nông trong hệ thống giáo dục:

- Phối hợp các trường đại học, học viện bổ sung chuyên ngành khuyến nông vào chương trình đào tạo các ngành nông – lâm – ngư nghiệp.

- Liên kết đào tạo giữa Trung tâm Khuyến nông quốc gia, các Viện – Trường – Doanh nghiệp – địa phương.

e) Hoàn thiện chính sách đãi ngộ và điều kiện làm việc:

- Xây dựng chính sách tuyển dụng, quản lý, đãi ngộ, khen thưởng, đào tạo và giữ chân cán bộ khuyến nông.

- Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động khuyến nông hiện đại, chuyên nghiệp.

3.4. Kết quả, sản phẩm dự kiến

- Khung năng lực và chương trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức khuyến nông cấp xã được xây dựng và áp dụng.

- Khoảng 5.000- 6.000 viên chức khuyến nông cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn khung năng lực.

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khuyến nông cộng đồng được xây dựng và áp dụng.

- Khoảng 15.000 – 20.000 cán bộ khuyến nông cộng đồng được đào tạo, bồi dưỡng tăng cường năng lực.

- Chương trình đào tạo kỹ sư khuyến nông được triển khai tại một số trường đào tạo nông, lâm, ngư nghiệp.

- Mạng lưới chuyên gia tư vấn khuyến nông quốc gia được thiết lập và vận hành phục vụ hoạt động khuyến nông.

3.5. Phân công tổ chức thực hiện

a) Trung tâm Khuyến nông quốc gia:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, tập huấn cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

- Chủ trì xây dựng và triển khai dự án tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp kết quả, tổng kết hoạt động toàn quốc.

b) Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, thành phố:

- Phối hợp thực hiện dự án tăng cường năng lực hệ thống khuyến nông; cử cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại địa phương.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng từ nguồn ngân sách địa phương.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

c) Các đơn vị liên quan (viện, trường, doanh nghiệp, ...):

Phối hợp xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, tập huấn; cung cấp giảng viên, cơ sở đào tạo; hỗ trợ đào tạo khuyến nông chuyên sâu; hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn và định hướng áp dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất.

4. Đào tạo nông dân chuyên nghiệp

4.1. Mục tiêu

- 100% nông dân tham gia chuỗi liên kết tại các vùng nguyên liệu được đào tạo, tập huấn về quy trình, kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, tổ chức sản xuất và liên kết thị trường.

- Hình thành lực lượng nông dân chuyên nghiệp, có tư duy kinh tế nông nghiệp, kỹ năng sản xuất – quản lý – tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại, bền vững và hội nhập quốc tế.

- Nâng cao năng lực của nông dân trong việc ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4.2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 – 2030, chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 2026-2027: Xây dựng chương trình, tài liệu, phương pháp đào tạo và lựa chọn vùng nguyên liệu trọng điểm để triển khai thí điểm.

- Giai đoạn 2027-2029: Mở rộng quy mô đào tạo, tập huấn nông dân trên toàn quốc; tổ chức các lớp học, diễn đàn, hội thi, hội nghị “Nông dân chuyên nghiệp”.

- Năm 2030: Tổng kết, đánh giá kết quả, nhân rộng mô hình và hình thành mạng lưới “Nông dân chuyên nghiệp – Nông dân dạy nông dân”.

4.3. Nội dung hoạt động

a) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn:

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nông dân về quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

- Ưu tiên vùng nguyên liệu sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn; xây dựng tài liệu hướng dẫn ngắn gọn, trực quan, dễ hiểu.

- Kết hợp đào tạo tại hiện trường (Farming Field School) và đào tạo trực tuyến (E-learning) để mở rộng tiếp cận.

b) Hướng dẫn tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi giá trị:

- Tập huấn nông dân về tổ chức sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu, hợp tác với hợp tác xã và doanh nghiệp.

- Đào tạo kỹ năng quản lý kinh tế hộ, quản lý chi phí, kỹ năng tiếp cận thị trường, chuyển đổi số và truy xuất nguồn gốc.

c) Thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức:

Triển khai các chương trình truyền thông, hội thảo, tọa đàm, hội thi “Nông dân chuyên nghiệp – Nông dân 4.0” nhằm nâng cao nhận thức về kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái – tuần hoàn – xanh.

- Phát hành ấn phẩm, video, bản tin, podcast, chuyên mục truyền hình, tuyên truyền các mô hình hiệu quả, lan toả tư duy sản xuất mới.

d) Thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp:

- Hình thành và hỗ trợ các nhóm nông dân khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Nhân rộng các mô hình “Nông dân sản xuất giỏi – Nông dân dạy nông dân” và kết nối với các chuỗi giá trị nông sản bền vững.

4.4. Kết quả, sản phẩm dự kiến

- Đào tạo, tập huấn kỹ thuật: 2.000 lớp tập huấn, 100.000 lượt nông dân được đào tạo.

- Tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi: 300 mô hình liên kết nông dân – HTX – doanh nghiệp.

- Truyền thông và nâng cao nhận thức: 50 chương trình truyền thông được xây dựng, phát hành.

- Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo: 300 nhóm nông dân khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

4.5. Phân công tổ chức thực hiện

a) Trung tâm Khuyến nông quốc gia:

- Chủ trì xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo nông dân chuyên nghiệp.
- Chủ trì xây dựng và thực hiện Dự án đào tạo nông dân chuyên nghiệp.
- Chủ trì chương trình truyền thông quốc gia về nông dân chuyên nghiệp.
- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp kết quả, báo cáo Bộ.

b) Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, thành phố:

- Lập kế hoạch triển khai tại địa phương; lựa chọn đối tượng, vùng nguyên liệu; tổ chức lớp đào tạo, tập huấn; báo cáo kết quả định kỳ.

- Tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi; thúc đẩy hình thành các nhóm nông dân khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại địa phương.

c) Các đơn vị liên quan (viện, trường, doanh nghiệp,...):

Tham gia biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo, tập huấn; cung cấp chuyên gia, giảng viên; phối hợp tổ chức và hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn; thúc đẩy hình thành liên kết chuỗi; hỗ trợ các nhóm nông dân khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo;...

5. Chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững

5.1. Mục tiêu

Các mô hình, dự án khuyến nông tập trung chuyển giao đồng bộ giải pháp, công nghệ tiên tiến, tổ chức sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị, đảm bảo 100% sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; tăng hiệu quả kinh tế trên 15%, giảm chi phí đầu vào trên 10% và được nhân rộng trong các chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực. Thí điểm ứng dụng IoT, BigData, AI, bản đồ số GIS trong quản lý mô hình, xây dựng CSDL dùng chung về mô hình, quy trình kỹ thuật và vùng nguyên liệu.

5.2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 – 2030, chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 2026-2027: Rà soát, xác định ngành hàng, vùng sản xuất chủ lực; xây dựng danh mục công nghệ tiên tiến, quy trình kỹ thuật và mô hình thí điểm chuyển giao.

- Giai đoạn 2027-2029: Triển khai xây dựng và nhân rộng mô hình; đào tạo, tập huấn kỹ thuật; tổ chức đánh giá hiệu quả và hội nghị đầu bờ.

- Năm 2030: Tổng kết, hoàn thiện cơ chế chuyển giao – nhân rộng; hình thành mạng lưới mô hình và vùng sản xuất ứng dụng công nghệ tiên tiến.

5.3. Nội dung hoạt động

a) Xây dựng, triển khai các chương trình, dự án khuyến nông trọng điểm:

- Lựa chọn ngành hàng, sản phẩm chủ lực quốc gia và vùng nguyên liệu quy mô lớn (lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, rau quả, chăn nuôi, thủy sản, v.v.) để triển khai dự án khuyến nông.

- Phối hợp với các viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế xây dựng mô hình trình diễn công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện địa phương.

- Lồng ghép thực hiện với chương trình OCOP, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp giảm phát thải và chuyển đổi số.

b) Ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ tiên tiến:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ số, tự động hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

- Phát triển hệ thống khuyến nông thông minh, sử dụng công nghệ thông tin, dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo sản xuất và quản lý mô hình.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ và mô hình khuyến nông số dùng chung cho các địa phương.

c) Xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất tiên tiến:

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới: nông nghiệp sinh thái, xanh, hữu cơ, tuần hoàn, công nghệ cao, thông minh, nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, du lịch, trải nghiệm, đô thị.

- Đánh giá hiệu quả mô hình; tổ chức hội nghị đầu bờ, triển lãm, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, truyền thông phổ biến nhân rộng mô hình.

- Biên soạn hướng dẫn kỹ thuật, tài liệu hoá mô hình, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả về năng suất, chất lượng, kinh tế, xã hội và môi trường.

5.4. Kết quả, sản phẩm dự kiến

- Xây dựng được 300 mô hình khuyến nông cấp tỉnh và 50 mô hình cấp quốc gia ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến.

- 100% mô hình áp dụng đồng bộ tiên bộ kỹ thuật, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, giảm chi phí đầu vào >10%.

- 10.000 lượt cán bộ, nông dân, HTX, doanh nghiệp được tập huấn.

- Xây dựng được Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả mô hình khuyến nông.

5.5. Phân công tổ chức thực hiện

a) Trung tâm Khuyến nông quốc gia:

- Chủ trì xây dựng và thực hiện Dự án chuyển giao công nghệ, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực ở các vùng nguyên liệu nông lâm thủy sản chủ lực của Ngành.

- Chủ trì xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả mô hình khuyến nông.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, truyền thông phổ biến nhân rộng mô hình.

b) Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, thành phố:

- Triển khai mô hình, lựa chọn vùng nguyên liệu, tổ chức tập huấn, đánh giá kết quả; nhân rộng mô hình tại địa phương.

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, sản phẩm OCOP phù hợp với điều kiện, tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

c) Các đơn vị liên quan (viện, trường, doanh nghiệp,...):

Hợp tác nghiên cứu, chuyển giao, cung cấp công nghệ, tư vấn kỹ thuật, cử chuyên gia, giảng viên đào tạo; tham gia liên kết chuỗi giá trị và tiêu thụ sản phẩm.

6. Khuyến nông giảm nghèo, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu

6.1. Mục tiêu

- Đến năm 2030, trên 70% xã ở vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn xây dựng được mô hình khuyến nông giảm nghèo tạo sinh kế ổn định và bền vững cho nông dân nghèo, cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Ứng dụng công nghệ, số hóa vùng khó khăn, điểm khó khăn. Kết hợp cảnh báo thiên tai,

dịch bệnh sớm giúp người dân giảm thiểu thiệt hại; Tổ chức tư vấn trực tuyến cho nông dân vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số qua ứng dụng số.

- Tăng cường năng lực cộng đồng trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển nông nghiệp sinh thái, thân thiện môi trường.

6.2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 – 2030, chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 2026-2027: Rà soát địa bàn, lựa chọn vùng khó khăn, dân tộc thiểu số để xây dựng mô hình thí điểm khuyến nông giảm nghèo; đào tạo cán bộ, cộng tác viên địa phương.

- Giai đoạn 2027-2029: Triển khai xây dựng mô hình giảm nghèo, mô hình canh tác thích ứng khí hậu, bảo vệ môi trường; tổ chức các hoạt động truyền thông, tập huấn kỹ thuật.

- Năm 2030: Đánh giá hiệu quả mô hình, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân, xây dựng liên kết chuỗi giá trị đảm bảo các tiêu chí giảm nghèo bền vững, an toàn trước thiên tai.

6.3. Nội dung hoạt động

a) Xây dựng mô hình khuyến nông giảm nghèo:

- Lựa chọn địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để xây dựng mô hình sản xuất phù hợp điều kiện địa phương, như trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, ngành nghề nông thôn.

- Hỗ trợ giống, vật tư, thiết bị, đào tạo kỹ thuật và tổ chức sản xuất theo nhóm hộ; gắn mô hình với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế.

b) Xây dựng mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Triển khai các mô hình canh tác thông minh thích ứng khí hậu (CSA), tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ đất và đa dạng sinh học.

- Hướng dẫn cộng đồng áp dụng biện pháp kỹ thuật phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường sinh thái.

c) Hỗ trợ phát triển sản phẩm đặc sản, bản địa và OCOP:

- Hướng dẫn nông dân phát triển sản phẩm đặc sản, ngành nghề truyền thống, gắn với du lịch sinh thái và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn hóa sản phẩm OCOP và kết nối tiêu thụ.

d) Truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng:

- Biên soạn tài liệu, ấn phẩm khuyến nông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số; sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, video hướng dẫn kỹ thuật.

- Tăng cường đào tạo cộng tác viên khuyến nông thôn bản – lực lượng trực tiếp hướng dẫn nông dân vùng sâu, vùng xa.

d) Nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ và bảo hiểm nông nghiệp:

- Nghiên cứu cơ chế kết hợp giữa chính sách khuyến nông và chính sách bảo hiểm nông nghiệp nhằm hỗ trợ nông dân giảm rủi ro trong sản xuất nông nghiệp.

- Đề xuất cơ chế tài chính, tín dụng ưu đãi, bảo hiểm rủi ro thiên tai gắn với hoạt động khuyến nông nhằm phát triển sinh kế bền vững cho nông dân.

6.4. Kết quả, sản phẩm dự kiến

- Mô hình khuyến nông giảm nghèo: 100 mô hình khuyến nông giảm nghèo được xây dựng và nhân rộng.

- Mô hình thích ứng BĐKH: 50 mô hình canh tác thông minh thích ứng khí hậu.

- Truyền thông: 100 chương trình truyền thông được xây dựng, phát hành.

- Chính sách: 01 báo cáo đề xuất chính sách kết hợp giữa hoạt động khuyến nông với bảo hiểm nông nghiệp.

6.5. Phân công tổ chức thực hiện

a) Trung tâm Khuyến nông quốc gia:

- Chủ trì xây dựng và thực hiện Dự án khuyến nông giảm nghèo ở các vùng khó khăn.

- Chủ trì chương trình truyền thông khuyến nông về giảm nghèo, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chủ trì xây dựng, đề xuất chính sách kết hợp giữa hoạt động khuyến nông với bảo hiểm nông nghiệp.

b) Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, thành phố:

- Lựa chọn địa bàn, đối tượng tham gia; triển khai xây dựng mô hình; tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông; báo cáo kết quả định kỳ.

- Hướng dẫn, hỗ trợ nông dân duy trì và nhân rộng các mô hình khuyến nông giảm nghèo, mô hình phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường sinh thái.

c) Các đơn vị liên quan (viện, trường, doanh nghiệp,...):

- Tham gia tư vấn, chuyển giao công nghệ phù hợp vùng khó khăn, dân tộc thiểu số.

- Huy động, đóng góp nguồn lực, tham gia triển khai mô hình, cung cấp chuyên gia, đào tạo kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm,....

7. Chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông

7.1. Mục tiêu

- 100% mô hình khuyến nông sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, theo dõi, giám sát trên hệ thống khuyến nông số quốc gia.
- Trên 50% lớp tập huấn khuyến nông được tổ chức trên nền tảng khuyến nông số (e-learning, hội thảo trực tuyến, video hướng dẫn).
- 100% tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn khuyến nông được số hoá, tích hợp và phổ biến trên hệ thống khuyến nông số.
- 100% sản phẩm của mô hình, dự án khuyến nông được giới thiệu, quảng bá trên các sàn thương mại điện tử hoặc môi trường số.
- Hình thành hệ sinh thái khuyến nông số đồng bộ, hiện đại, liên thông từ trung ương đến cơ sở, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, đào tạo và kết nối thị trường nông sản.

7.2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 – 2030, chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 2026-2027: Xây dựng nền tảng khuyến nông số; hoàn thiện kiến trúc hệ thống, hạ tầng công nghệ và cơ sở dữ liệu dùng chung; thí điểm quản lý mô hình khuyến nông trên nền tảng số.
- Giai đoạn 2027-2029: Triển khai vận hành hệ thống khuyến nông số trong các hoạt động khuyến nông: đào tạo trực tuyến, truyền thông, giới thiệu, quảng bá sản phẩm khuyến nông; số hoá, tích hợp, chia sẻ dữ liệu,...
- Năm 2030: Hoàn thiện, đánh giá, nâng cấp hệ thống; hình thành hệ sinh thái khuyến nông số liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp.

7.3. Nội dung hoạt động

a) Xây dựng và vận hành nền tảng khuyến nông số:

Thiết kế, xây dựng Hệ thống khuyến nông số quốc gia gồm:

- Hệ thống quản lý mô hình, dự án khuyến nông, tích hợp chức năng theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả mô hình trực tuyến.
- Nền tảng đào tạo, tập huấn và tư vấn trực tuyến cho cán bộ, nông dân, hợp tác xã.
- Cổng thông tin giới thiệu, quảng bá sản phẩm khuyến nông gắn với sàn thương mại điện tử.

b) Ứng dụng công nghệ số trong quản lý và triển khai hoạt động khuyến nông:

- Số hoá toàn bộ mô hình, dự án, báo cáo, kết quả đào tạo, tập huấn, video hướng dẫn cập nhật trên hệ thống khuyến nông số quốc gia.
- Ứng dụng AI, dữ liệu lớn (Big Data), GIS, bản đồ nông nghiệp số để phân tích, dự báo và hỗ trợ hoạt động khuyến nông.

- Xây dựng dashboard điều hành thông minh cho Trung tâm Khuyến nông quốc gia và các địa phương.

c) Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin:

- Đầu tư thiết bị phần cứng, phần mềm, đường truyền tốc độ cao cho hệ thống khuyến nông các cấp.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, liên thông, đồng bộ hóa giữa trung ương – tỉnh – xã.

- Thiết lập trung tâm dữ liệu (Data Center) và hệ thống bảo mật, an toàn thông tin theo chuẩn quốc gia.

d) Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số:

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng số, quản trị dữ liệu, an ninh mạng, sử dụng phần mềm cho cán bộ khuyến nông các cấp, cộng tác viên, tổ khuyến nông cộng đồng, nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia hệ thống.

- Phát triển đội ngũ “Cán bộ khuyến nông số” làm nòng cốt triển khai, hỗ trợ kỹ thuật tại địa phương.

đ) Hợp tác, tích hợp công nghệ mới:

- Hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, viện, trường, tổ chức quốc tế để phát triển các giải pháp công nghệ tiên tiến: Trí tuệ nhân tạo (AI) tư vấn kỹ thuật tự động; Dữ liệu lớn (Big Data) phân tích xu hướng sản xuất, thị trường; Video tương tác, trợ lý ảo (chatbot) hỗ trợ nông dân.

- Tích hợp nền tảng khuyến nông số với các cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, thương mại điện tử, khí tượng, môi trường, biến đổi khí hậu.

7.4. Kết quả, sản phẩm dự kiến

- Xây dựng được Hệ thống khuyến nông số quốc gia liên thông với 34 tỉnh, thành phố.

- Số hóa dữ liệu khuyến nông: 100% mô hình, tài liệu, báo cáo được số hóa và cập nhật trên hệ thống.

- Đào tạo, tập huấn số: 50% lớp tập huấn khuyến nông tổ chức trên môi trường số.

- Truyền thông và quảng bá sản phẩm: 100% sản phẩm mô hình khuyến nông được giới thiệu trên nền tảng số.

7.5. Phân công tổ chức thực hiện

a) Trung tâm Khuyến nông quốc gia:

- Chủ trì xây dựng và thực hiện Dự án phát triển nền tảng khuyến nông số và hạ tầng công nghệ số.

- Chủ trì quản lý, vận hành hệ thống khuyến nông số; hướng dẫn, đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả trên toàn quốc.

b) Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, thành phố:

- Tham gia triển khai, vận hành hệ thống khuyến nông số, cập nhật cơ sở dữ liệu, cử cán bộ tham gia.

- Phối hợp triển khai các hoạt động đào tạo trực tuyến, truyền thông, giới thiệu, quảng bá sản phẩm khuyến nông trên nền tảng số.

c) Các đơn vị liên quan (viện, trường, doanh nghiệp,...):

- Hợp tác xây dựng, tích hợp, chuyển giao công nghệ; phát triển nội dung số, tư vấn kỹ thuật, bảo trì hệ thống.

- Phối hợp truyền thông, tham gia quảng bá sản phẩm và đào tạo cán bộ khuyến nông, nông dân số.

8. Hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, xã hội hoá khuyến nông

8.1. Mục tiêu

- 100% tài liệu, chương trình khuyến nông có sự tham gia biên soạn, thẩm định hoặc cố vấn của các viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia, doanh nghiệp nhằm nâng cao tính khoa học, thực tiễn và khả năng ứng dụng.

- Trên 50% mô hình, dự án khuyến nông huy động được nguồn lực xã hội hóa, đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức quốc tế thông qua hợp tác công tư (PPP), tài trợ kỹ thuật hoặc dự án liên kết.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo, chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm, từng bước nâng tầm hoạt động khuyến nông Việt Nam đạt chuẩn quốc tế, gắn với phát triển nông nghiệp hiện đại, hội nhập toàn cầu.

8.2. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 – 2030.

8.3. Nội dung hoạt động

a) Huy động sự tham gia của viện, trường, chuyên gia:

- Phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia đầu ngành xây dựng tài liệu, chương trình đào tạo, tập huấn khuyến nông.

- Phối hợp trong công tác nghiên cứu, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ, quy trình kỹ thuật vào sản xuất, ưu tiên vùng nguyên liệu tập trung, ngành hàng chủ lực.

- Hình thành mạng lưới chuyên gia khuyến nông quốc gia, tư vấn, chuyển giao tri thức cho hệ thống khuyến nông và nông dân.

b) Tăng cường hợp tác công tư (PPP):

- Phát triển chương trình hợp tác công tư giữa hệ thống khuyến nông và doanh nghiệp trong các lĩnh vực: nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; triển

khai mô hình sản xuất gắn với liên kết chuỗi giá trị; hỗ trợ tiêu thụ nông sản, quảng bá thương hiệu.

- Xây dựng mô hình hợp tác 3 bên: Nhà nước – Doanh nghiệp – Nông dân, trong đó khuyến nông đóng vai trò cầu nối, điều phối kỹ thuật và đào tạo.

c) Thu hút nguồn lực và triển khai dự án hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ:

- Chủ động xây dựng, đề xuất và vận động các tổ chức quốc tế (FAO, JICA, KOICA, GIZ, IFAD, WB, ADB, v.v...) hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, đầu tư thiết bị, chuyển giao công nghệ khuyến nông. Ưu tiên hợp tác quốc tế về giảm phát thải, tăng trưởng xanh, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

- Hợp tác tiếp nhận, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến từ các quốc gia có nền nông nghiệp phát triển (Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, Israel, New Zealand, Úc,...); đánh giá, lựa chọn công nghệ phù hợp điều kiện sinh thái, quy mô sản xuất tại Việt Nam.

- Phối hợp tổ chức hội thảo, diễn đàn, hội chợ công nghệ khuyến nông quốc tế, giới thiệu công nghệ, thiết bị, giải pháp nông nghiệp hiện đại; tổ chức các đoàn trao đổi chuyên gia, cán bộ, nông dân tiêu biểu với các quốc gia, tổ chức quốc tế.

8.4. Kết quả, sản phẩm dự kiến

- Các mô hình hợp tác công tư PPP trong nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm được ký kết và triển khai thực hiện.

- Các chương trình, tài liệu khuyến nông được biên soạn và áp dụng vào sản xuất.

- Các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khuyến nông được ký kết và triển khai thực hiện.

- Các đoàn tham quan học tập, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm được tổ chức trong và ngoài nước.

8.5. Phân công tổ chức thực hiện

a) Trung tâm Khuyến nông quốc gia:

- Chủ trì điều phối, triển khai các chương trình hợp tác quốc tế, hợp tác công tư trong lĩnh vực khuyến nông.

- Tổ chức các sự kiện kết nối viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế với hệ thống khuyến nông.

- Chủ trì, phối hợp với các viện, trường, chuyên gia xây dựng các tài liệu phục vụ công tác khuyến nông.

b) Trung tâm Khuyến nông các tỉnh, thành phố:

- Phối hợp với các viện, trường trong công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ tại địa phương.

- Phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị sản phẩm.

c) Các đơn vị liên quan (viện, trường, doanh nghiệp, ...):

Tham gia đào tạo, chuyển giao công nghệ, tài trợ thiết bị, tư vấn kỹ thuật; phối hợp triển khai mô hình sản xuất và tiêu thụ nông sản.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Chiến lược và Kế hoạch này, hằng năm, các tổ chức khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã cụ thể hoá thành các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả về Trung tâm Khuyến nông quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ.

2. Trung tâm Khuyến nông quốc gia: chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện; định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm. Đến năm 2030, Trung tâm Khuyến nông quốc gia báo cáo Bộ tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá Chiến lược giai đoạn 2026-2030 và xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Trần Thanh Nam (để b/c);
- Các Vụ: TCCB; KHCN; KHTC;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Trung tâm KN các tỉnh, thành phố;
- Ban Giám đốc;
- Các Phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TH.

GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Thanh